

XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ NÔNG DÂN VIỆT NAM

CN. Nguyễn Thị Thúy Mai *

Giới thiệu

Trong tiến trình phát triển của các quốc gia, nông nghiệp, nông dân, nông thôn là những chủ đề chính được đề cập. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là ba vấn đề tuy khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Mối quan hệ giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn được coi là có ảnh hưởng quyết định đến tiến trình phát triển nông nghiệp và nông thôn của quốc gia. Đây là những phạm trù có mối quan hệ nội tại gắn bó hữu cơ nhưng lại có sự khác nhau về vị trí, vai trò của mỗi phạm trù trong từng giai đoạn phát triển khác nhau. Do đó, nếu những chủ đề này không được nghiên cứu và giải quyết đồng bộ thì mục tiêu của nền kinh tế là công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước khó có thể thành công. Bài viết này đưa nội dung tổng quan nghiên cứu đề xuất hệ thống chỉ tiêu thống kê về nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam.

Thực tế đã cho thấy, không thể phủ nhận nông nghiệp, nông dân và nông thôn có vị trí

chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những yếu tố đó là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Theo quan điểm của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 (viết gọn Nghị quyết số 19-NQ/TW): “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là ba thành tố có quan hệ mật thiết, gắn bó, không thể tách rời; có vai trò, vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là cơ sở, lực lượng to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế*”. Có thể thấy, nông nghiệp, nông dân, nông thôn luôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội; đây cũng là những vấn đề có tính chất chiến lược

* Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê – TCTK

trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Cho đến nay, nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ yếu, có đóng góp quan trọng và ổn định vào tăng trưởng kinh tế. Nông thôn là địa bàn sinh sống của 65,6% dân số cả nước với cộng đồng 54 dân tộc, thống nhất trong đa dạng văn hóa; cung cấp các sản phẩm thiết yếu cho đời sống con người và phục vụ các ngành kinh tế quốc dân; là nơi sản sinh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; có vai trò quan trọng đối với quốc phòng, an ninh và gìn giữ môi trường sinh thái... Giai cấp nông dân không chỉ giữ vai trò trung tâm và quyết định đến sự phát triển nông nghiệp, nông thôn mà còn quyết định đến sự phát triển bền vững của đất nước. Với tầm quan trọng đó, nhiều chính sách nhằm thúc đẩy phát triển đã được Đảng và Nhà nước đưa ra và thực hiện. Khu vực nông thôn nước ta đã có những chuyển biến rõ nét trên hầu hết mọi lĩnh vực phát triển, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, cải thiện đời sống của nông dân, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế – xã hội của cả nước, củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước

1. Sự cần thiết xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê về nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Trên cơ sở Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 27/2/2023 Chính phủ đã ra Nghị quyết số 26/NQ-CP ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã giao Tổng cục Thống

kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. Ngày 26/6/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định số 1145/QĐ-BKHĐT về chương trình hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW.

Qua nghiên cứu và rà soát các hệ thống chỉ tiêu thống kê khác nhau, cụ thể là: Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành (Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường...); Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Các bộ chỉ tiêu thống kê khác (Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam (VSDG)) và trong các báo cáo, ấn phẩm có liên quan (Báo cáo Kết quả Tổng điều tra Nông thôn, Nông nghiệp và Thủy sản; Niên giám Thống kê của Tổng cục Thống kê; Niên giám thống kê Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...). Nhóm nghiên cứu nhận thấy:

(1) Đối với các chỉ tiêu thống kê về nông nghiệp:

- Các chỉ tiêu thu thập khá toàn diện và đã bao gồm những thông tin cơ bản nhất từ các thông tin về điều kiện sản xuất đến kết quả sản xuất, bao gồm cả chỉ tiêu về hiện vật, giá trị và đóng góp của nông nghiệp vào phát triển kinh tế;

- Nội dung các chỉ tiêu thống kê về nông nghiệp: Khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp đã được quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật

➤➤➤ NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI

tạo sự thống nhất trong thực hiện thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê;

- Số liệu được thu thập, tổng hợp theo hướng dẫn thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đảm bảo được tính so sánh theo thời gian, theo các vùng lãnh thổ và nhiều thông tin đã đáp ứng được yêu cầu so sánh quốc tế;

- Thông tin thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản về cơ bản đã phản ánh được xu hướng, diễn biến tình hình thực tế của sản xuất kinh doanh. Những thông tin quan trọng: sản lượng, sản phẩm các cây trồng, vật nuôi chủ yếu (lúa, ngô, bò, lợn, cá, tôm, ...) đã thể hiện được xu thế phát triển cũng như diễn biến mùa màng;

- Thông tin thống kê được thu thập, công bố kịp thời theo quy định: Các chỉ tiêu thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản đã thu thập, tổng hợp và công bố đầy đủ thông tin: số liệu ước tính, số liệu sơ bộ, số liệu chính thức, và chia theo kỳ báo cáo: Quý, 6 tháng, 9 tháng và năm.

Tuy nhiên, đứng trước sự phát triển về quy mô, trình độ và chuyển đổi cơ cấu của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, bên cạnh những mặt đã đạt được còn tồn tại một số những hạn chế như:

- Thiếu các chỉ tiêu phản ánh chất lượng, hiệu quả của quá trình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn; ứng dụng các biện pháp canh tác mới, giống mới, những sản phẩm mới;

- Thiếu các chỉ tiêu về quy hoạch và xây dựng các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, chuyên canh phục vụ xuất khẩu nguyên liệu

cho công nghiệp chế biến; các chỉ tiêu phản ánh trình độ cơ giới hoá, thuỷ lợi hoá;

- Thiếu các chỉ tiêu thống kê phản ánh về môi trường, đối phó với biến đổi khí hậu.

(2) Các chỉ tiêu thống kê về nông dân, nông thôn

Hiện nay, các chỉ tiêu thống kê phản ánh nông dân và nông thôn còn nhiều hạn chế và chưa có các quy định cụ thể, thống nhất tại các văn bản quy phạm pháp luật. Để bảo đảm thông tin phục vụ quản lý, điều hành và đánh giá đầy đủ về kết quả thực hiện các chính sách, giải pháp chủ yếu của Đảng và Chính phủ về nông dân và nông thôn cần có các thông tin: Đất đai, dân số, lao động nông thôn, y tế, giáo dục, kết cấu hạ tầng nông thôn, các chỉ tiêu về xã hội, môi trường ở nông thôn. Qua rà soát các hệ thống chỉ tiêu thống kê, các chỉ tiêu phản ánh về nông dân và nông thôn còn nhiều khoảng trống cần được bổ sung và hoàn thiện, cụ thể như sau:

- Các chỉ tiêu thống kê về nông dân và nông thôn đã có nhưng còn ít, chưa bảo đảm phản ánh đầy đủ sự phát triển về nông dân và nông thôn Việt Nam;

- Các chỉ tiêu phản ánh về nông dân và nông thôn còn nằm rải rác tại các hệ thống chỉ tiêu thống kê khác nhau;

- Các chỉ tiêu thống kê về đất đai, dân số, lao động, y tế, thu nhập của lao động ở nông thôn đã được thu thập và tổng hợp nhưng hầu hết các chỉ tiêu này là các chỉ tiêu quốc gia có phân tổ đến nông thôn nên chưa có các phân tổ chi tiết để phục vụ đánh giá, phân tích chuyên sâu;

- Thiếu các chỉ tiêu về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn. Mặc dù, các chỉ

tiêu này đã được thu thập qua các cuộc điều tra của Tổng cục Thống kê nhưng chưa được quy định về nội dung: Khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp nên việc thực hiện thu thập, tổng hợp, đánh giá còn chưa thống nhất ở các địa phương;

- Thiếu các chỉ tiêu thống kê phản ánh về kết quả của các chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn, nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, xóa đói giảm nghèo...;

- Thiếu các chỉ tiêu phản ánh sự phát triển về công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn;

- Thiếu các chỉ tiêu về các thiết chế văn hóa, xã hội.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng các chỉ tiêu thống kê về nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở trên, việc xây dựng một hệ thống chỉ tiêu thống kê về nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam là vấn đề cần thiết để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời phục vụ đánh giá các mục tiêu chính sách của Đảng và Nhà nước.

2. Đề xuất xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê về nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Việc xây dựng, lựa chọn các chỉ tiêu của Hệ thống chỉ tiêu thống kê nông nghiệp, nông dân và nông thôn phải đảm bảo các

nguyên tắc chung khi xây dựng chỉ tiêu thống kê và phải bảo đảm các nguyên tắc riêng đối với Hệ thống chỉ tiêu thống kê nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam, cụ thể như sau:

- Đề xuất vào hệ thống chỉ tiêu thống kê về nông nghiệp, nông dân và nông thôn những chỉ tiêu cơ bản và quan trọng, phản ánh được thực trạng phát triển của 3 yếu tố đó nói chung;

- Bảo đảm đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ đánh giá và giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Nghị quyết số 19-NQ/TW;

- Đảm bảo tính khoa học, thống nhất và phù hợp với các chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu khác đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;

- Đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn.

Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá các chỉ tiêu phản ánh về nông nghiệp, nông dân và nông thôn hiện có và căn cứ vào mục tiêu, tầm nhìn, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn 2045 của Nghị quyết 19-NQ/TW. Tác giả đề xuất Hệ thống chỉ tiêu thống kê về nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam với 63 chỉ tiêu thống kê, chia làm 5 nhóm, chi tiết như sau:

STT	Tên chỉ tiêu
I	Nhóm chỉ tiêu về đất đai, dân số, lao động, việc làm ở nông thôn
1	Diện tích đất nông nghiệp và Tỷ trọng đất nông nghiệp so với diện tích đất tự nhiên
2	Dân số nông thôn
3	Tỷ lệ tăng dân số ở nông thôn
4	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh ở nông thôn

➤ ➤ ➤ **NGHIÊN CỨU • TRAO ĐỔI**

STT	Tên chỉ tiêu
5	Lực lượng lao động ở nông thôn
6	Số lao động có việc làm trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và cơ cấu lao động có việc làm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản so với tổng lao động có việc làm trong nền kinh tế
7	Tỷ lệ lao động nông thôn đã qua đào tạo
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn
9	Tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn
10	Số lao động nông thôn được đào tạo nghề trong năm
II	Nhóm chỉ tiêu kinh tế
11	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản
12	Năng suất lao động ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản
13	Ngân sách Nhà nước bố trí cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn
14	Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp khu vực nông thôn
15	Tốc độ tăng giá trị sản xuất các ngành dịch vụ khu vực nông thôn
16	Số lượng nhà máy/cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản
17	Số lượng hợp tác xã nông nghiệp
18	Doanh thu bình quân trong năm của một hợp tác xã nông nghiệp
19	Số lượng trang trại
20	Giá trị sản xuất bình quân trong năm của một trang trại nông nghiệp
21	Số lượng doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
22	Số hộ, số lao động kinh tế cá thể tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
23	Năng suất một số loại cây trồng chủ yếu
24	Sản lượng một số loại cây trồng chủ yếu
25	Số gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi
26	Sản lượng một số sản phẩm chăn nuôi chủ yếu
27	Diện tích rừng trồng mới tập trung
28	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ
29	Sản lượng thủy sản
30	Số lượng tàu khai thác thủy sản biển có động cơ
31	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững

STT	Tên chỉ tiêu
32	Diện tích các loại cây trồng được chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) và tương đương
33	Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa
34	Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi được chứng nhận thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) và tương đương
35	Diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP) và tương đương
36	Tỷ lệ diện tích gieo trồng hoặc sản phẩm nông nghiệp được cơ giới hóa
37	Số lượng làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận
38	Số lượng lao động thường xuyên trong làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận
39	Thu nhập bình quân một lao động của một số hoạt động ngành nghề nông thôn trong làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận
40	Số lượng đơn vị cấp huyện và tỷ lệ đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn /hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới
41	Số lượng sản phẩm OCOP được công nhận 3 sao trở lên
42	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu
III	Kết cấu hạ tầng nông thôn
43	Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa
44	Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa
45	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động
46	Chiều dài kênh, mương hiện có và tỷ lệ được kiên cố
47	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định
48	Tỷ lệ xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa thể thao của toàn xã
49	Tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông, internet
IV	Điều kiện sống của dân cư nông thôn
50	Tỷ lệ nghèo đa chiều ở nông thôn
51	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng ở nông thôn
52	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố
53	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn
54	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng hố xí hợp vệ sinh

STT	Tên chỉ tiêu
55	Tỷ lệ học sinh đi học chung phổ thông ở nông thôn
56	Tỷ lệ người dân nông thôn tham gia bảo hiểm y tế
57	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã
58	Tỷ lệ trẻ em nông thôn dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng
V	Môi trường
59	Diện tích rừng hiện có
60	Tỷ lệ che phủ rừng
61	Diện tích đất bị thoái hoá
62	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn được thu gom, xử lý
63	Diện tích đất bị ô nhiễm

Sau khi đề xuất danh mục các chỉ tiêu thống kê về nông nghiệp, nông dân và nông thôn, bước tiếp theo cần phải chuẩn hóa về nội dung của các chỉ tiêu để có cơ sở thu thập, tổng hợp thông tin thống kê, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ. Bên cạnh đó, việc xác định rõ nội hàm, phạm vi và phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê còn tạo thuận lợi cho người dùng tin nắm được bản chất của thông tin; giúp các tổ chức, cá nhân dễ dàng tìm kiếm thông tin phù hợp với yêu cầu nghiên cứu và sử dụng.

Từ kết quả nghiên cứu này, Nhóm nghiên cứu hy vọng Tổng cục Thống kê có thể sử dụng kết quả để dự thảo nên hệ thống chỉ tiêu thống kê về nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng chính phủ tạo căn cứ pháp lý cho việc phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong hoạt động thu thập, tổng hợp số liệu các chỉ tiêu và phục vụ tốt nhu cầu của Đảng và Nhà nước trong công tác đánh giá, thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII (2022), Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày

16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân và nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045;

2. Quốc hội (2021), Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

3. Quốc Hội (2015), Luật Thống kê số 89/2015/QH13, ngày 23/11/2015;

4. Quốc Hội (2021), Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê;

5. Chính phủ (2022), Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

6. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam.